TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-ST
Ngày 20 tháng 6 năm 2023
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Trụ

Ông Lê Minh Tranh

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-DS ngày 10/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-DS ngày 25/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2023/QĐST-DS ngày 26/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1967;

ĐKHKTT: thôn C, xã Bồ S1, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc

Bà Hoa ủy quyền cho ông Đ1 (theo văn bản ủy quyền ngày 16/3/2023)

Hôm nay, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B1, sinh năm 1977 và chị Bùi Thị Thu M1, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: Tổ 10, Phố ĐK, phường B, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Hôm nay, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn sửa chữa bổ sung đơn khởi kiện và lời khai nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ1 trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với gia đình anh Nguyễn Văn B1 và chị Bùi Thị Thu M1 nên ngày 25/3/2019 vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ1 bà Nguyễn Thị H1 có cho vợ chồng anh Nguyễn Văn B1 và chị Bùi Thị Thu M1 vay số tiền gốc là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng chẵn) và có thỏa thuận với nhau lãi

xuất là 0,2%/tháng; thời gian vay là 6 tháng. Để vay được số tiền trên thì anh Nguyễn Văn B1 và chị Bùi Thị Thu M1 có thế chấp cho vợ chồng ông bà Đ1 - H1 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có 01 ngôi nhà tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 36 diện tích 191,0m^2 ở phố ĐK, phường B, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đứng tên người sử dụng là ông Nguyễn Văn B1 và bà Bùi Thị Thu M1 đã được UBND thành phố Việt Trì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 9xxxxx ngày 15/01/2016.

Quá trình vay gia đình ông bà Đ1 – H1 đã nhiều lần yêu cầu anh B1i, chị M1 trả khoản tiền gốc và lãi đã vay. Nhưng do anh B1 và chị M1 không trả cho ông Đ1 bà Hoa số tiền gốc và lãi theo như đã thỏa thuận nên ngày 05/01/2020 anh Nguyễn Văn B1 lại viết vào giấy vay nợ trên thừa nhận khoản tiền đã vay của ông Đ1 bà Hoa và hẹn vợ chồng ông bà Đ1 - H1 6 tháng sau sẽ trả số tiền vay, nếu không trả được thì anh B1 hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Hết thời hạn 6 tháng theo thỏa thuận của anh Nguyễn Văn B1 viết ngày 05/01/2020, anh B1 và chị M1 cũng không trả được cho ông bà Đ1 - H1 số tiền gốc và lãi như đã cam kết.

Đến ngày 10/7/2022 chị Bùi Thị Thu M1 có viết giấy vay tiền cho ông Đ1 và bà Hoa và thừa nhận vay của ông bà đến ngày đó tổng số tiền 201.600.000đ (Hai trăm linh một triệu, sáu trăm nghìn đồng). Nhưng trong giấy vay tiền này chỉ có chữ ký của chị Bùi Thị Thu M1, không có chữ ký của anh Nguyễn Văn B1 nên anh B1 không thừa nhận có vay khoản tiền trên.

Vì vậy, nay ông Nguyễn Văn Đ1 bà Nguyễn Thị H1 khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn B1 và chị Bùi Thị Thu M1 phải trả cho ông bà số tiền nợ gốc là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng chẵn) theo giấy vay nợ ngày 25/3/2019. Số tiền lãi ông yêu cầu từ tháng 25/3/2019 đến 25/5/2023 là 50 tháng; và đề nghị tính theo lãi xuất như hai bên đã thỏa thuận là 0,2%/1 tháng x 120.000.000đ = 240.000đ x 50 tháng = 12.000.000đ . Tổng cả gốc và lãi ông Đ1 yêu cầu anh chị Bái - Minh trả nợ là 132.000.000đ (Một trăm ba mươi hai triệu đồng chẵn).

Bị đơn anh Nguyễn Văn B1 và chị Bùi Thị Thu M1 trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với gia đình ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị H1 nên ngày 25/3/2019 vợ chồng anh, chị có vay vợ chồng ông Đ1 bà Hoa số tiền gốc là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng chẵn) và có thỏa thuận với nhau lãi xuất là 0,2%/tháng; thời gian vay là 6 tháng. Để đảm bảo cho khoản vay trên trên thì ngày 25/03/2019 anh chị Bái - Minh có giao cho vợ chồng ông bà Đ1 - H1 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đất có 01 ngôi nhà tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 36 diện tích 191,0m^2 ở phố ĐK, phường B, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đứng tên ông Nguyễn Văn B1 và bà Bùi Thị Thu M1 đã được UBND

thành phố Việt Trì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 9xxxxx ngày 15/01/2016.

Quá trình làm ăn anh chị bị thua lỗ nên đến hẹn trả nợ cho gia đình ông bà Đ1 - H1 theo giấy vay nợ vợ chồng anh chị không trả được số tiền gốc và lãi cho ông bà Đ1 - H1. Nên ngày 05/01/2020 anh B1 có viết thừa nhận đã vay khoản tiền trên và hẹn sau 6 tháng sẽ trả ông bà Đ1 - H1 số tiền trên, nếu không trả được anh B1 xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nay ông bà Đ1 - H1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh phải trả cho ông bà số tiền nợ gốc là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng chẵn), và số tiền lãi 0,2%/1 tháng x 120.000.000đ = 240.000đ x 50 tháng = 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). Tổng cả gốc và lãi ông bà Đ1 – H1 yêu cầu anh chị phải trả số tiền là 132.000.000đ (Một trăm ba mươi hai triệu đồng), anh chị đồng ý, nhưng xin được trả dần do điều kiện khó khăn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin được xét xử vắng mặt và thể hiện quan điểm của vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn là anh Nguyễn Văn B1 và chị Bùi Thị Thu M1 trả số tiền nợ gốc 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng chẵn) theo giấy vay nợ ngày 25/3/2019. Số tiền lãi xuất như hai bên đã thỏa thuận là 0,2%/1 tháng x 120.000.000đ = 240.000đ x 50 tháng = 12.000.000đ . Tổng cả gốc và lãi 132.000.000đ (Một trăm ba mươi hai triệu đồng chẵn).

Bị đơn vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt. Quan điểm bị đơn đồng ý với số tiền gốc là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng chẵn); số lãi 0,2%/1 tháng x 120.000.000đ = 240.000đ x 50 tháng = 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). Tổng cả gốc và lãi là 132.000.000đ (Một trăm ba mươi hai triệu đồng). Nhưng xin được trả dần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Văn B1 và chị Bùi Thị Thu M1 phải trả số tiền gốc còn nợ là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh. Bị đơn có nơi cư trú tại phường B, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Do đó đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì theo quy định tại khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm c khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt hai bên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do vụ án Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Theo các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị H1 đã xuất trình cho Tòa án thì ngày 25/3/2019 vợ chồng ông bà Đ1 - H1 có cho vợ chồng anh Nguyễn Văn B1 và chị Bùi Thị Thu M1 vay số tiền gốc là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng chẵn) và có thỏa thuận với nhau lãi xuất là 0,2%/tháng; thời gian vay là 06 tháng. Khi vay số tiền trên anh Nguyễn Văn B1 và chị Bùi Thị Thu M1 có thế chấp cho vợ chồng ông bà Đ1 - H1 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có 01 ngôi nhà tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 36 diện tích 191,0m^2 ở phố ĐK, phường B, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đứng tên người sử dụng là ông Nguyễn Văn B1 và bà Bùi Thị Thu M1 đã được UBND thành phố Việt Trì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 9xxxxx ngày 15/01/2016. Lời khai của anh chị Bái - Minh cũng đã thừa nhận là có vay của ông bà Đ1 – H1 số tiền 120.000.000 đồng tiền gốc và lãi như hai bên đã thỏa thuận là 0,2%/tháng và anh chị Bái Minh đã ký kết vào Giấy vay tiền, anh chị Bái - Minh xác nhận đúng là chữ ký của anh chị tại Giấy vay tiền ngày 25/3/2019. Nhưng do công việc làm ăn của anh chị Bái - Minh làm ăn thua lỗ nên anh chị chưa trả được cho ông bà Đ1 – H1 số tiền gốc và lãi kể từ khi vay đến nay. Như vậy việc vay tài sản giữa anh chị Bái – Minh với ông bà Đ1 – H1 là có thật, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà các bên đã cung cấp cho Tòa án.

Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc anh Nguyễn Văn B1 và chị Bùi Thị Thu M1 phải trả cho ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị H1 số tiền nợ gốc là 120.000.000đồng là phù hợp. Đối với khoản nợ lãi, nguyên đơn yêu cầu về lãi là 0,2%/1 tháng, và số tính lãi theo hai bên thỏa thuận và nguyên đơn đề nghị tính từ ngày 25/3/2019 đến 25/5/2023 là 50 tháng.

Cụ thể: - Tiền gốc: 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng)

- Tiền lãi: 120.000.000đ x 0,2%/ tháng x 50 tháng = 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

Tổng cả gốc và lãi buộc anh chị Bái - Minh phải trả cho ông bà Đ1 - H1 là: 132.000.000 (Một trăm ba mươi hai triệu đồng).

[3] Trong quá trình anh Nguyễn Văn B1 và chị Bùi Thị Thu M1 vay tiền của ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị H1 anh chị Bái – Minh có giao cho

ông bà Đ1 – H1 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 36 diện tích 191,0m^2 ở phố ĐK, phường B, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đứng tên người sử dụng là ông Nguyễn Văn B1 và bà Bùi Thị Thu M1 đã được UBND thành phố Việt Trì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 9xxxxx ngày 15/01/2016. Tuy nhiên ông bà Đ1 – H1 không có giấy chứng nhận về đăng ký kinh doanh cầm đồ vì vậy cần buộc ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị H1 phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho anh Nguyễn Văn B1 và chị Bùi Thị Thu M1. Tuy nhiên ngày 16/5/2023 ông Nguyễn Văn Đ1 đã giao nộp cho Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 9xxxxx đã được UBND cấp ngày 15/01/2016 và đề nghị Tòa án trả cho anh chị Bái - Minh. Ngày 26/5/2023 vợ chồng anh Nguyễn Văn B1 và chị Bùi Thị Thu M1 đã có đơn đề nghị được nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại biên bản giao trả tài liệu chứng cứ ngày 26/5/2023 Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì đã trả lại cho anh Nguyễn Văn B1 và chị Bùi Thị Thu M1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

[3]. Về án phí: Vì yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị H1 được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn B1 và chị Bùi Thị Thu M1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, khoản 1 Điều 468, Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26, Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị H1.

Buộc anh Nguyễn Văn B1 và chị Bùi Thị Thu M1 phải trả cho ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị H1 số tiền nợ gốc là 120.000.000 đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ khi vay đến ngày 25/5/2023 là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). Tổng cả gốc và lãi là: 132.000.000đ (Một trăm ba mươi hai triệu đồng).

Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn B1 và chị Bùi Thị Thu M1 phải chịu

6.600.000đồng (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị H1 (chị Nguyễn Thị Nga nộp thay) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.525.000đồng (Năm triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0000012 ngày 05/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS tp Việt Trì;;
- Các đương sư;
- UBND phường B;
- Lưu HS, AV.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Hồng Vân